

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2023

V/v trA chấp ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương;

2. Bà Phạm Ngọc Mai;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp 5, xã L.H, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Văn Khị N, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Ấp 5, xã L.H, huyện C, tỉnh L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T và ông N bắt đầu chung sống từ năm 1995. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự tìm hiểu, quen nhau được một thời gian. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/2013, ngày 24/7/2013. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu Tăn. Nguyên nhân mâu Tăn là do ông N không lo làm để chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu, lại còn nhiều lần có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hai bên gia đình có tiến hành hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung, tên Võ Tuyết A, sinh ngày 01/01/1997 và Võ Chí H, sinh ngày 24/10/2003, đều đã trưởng thành, nên bà T không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Văn Khi N. Ông N không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Khi N có nơi cư trú tại ấp 5, xã L.H, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Võ Văn Khi N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông N. Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Khi N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/2013, ngày 24/7/2013 nên xác định hôn nhân của vợ chồng bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không lo làm để chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu, lại còn nhiều lần có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N. Còn về phía ông N, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông N, nhưng ông N không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông N không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Tuyết A, sinh ngày 01/01/1997 và Võ Chí H, sinh ngày 24/10/2003, đều đã thành niên nên bà T không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, ông N không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Võ Văn Khị N.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Văn Khị N.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai T số 0005707 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Võ Thu Xuân